

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội tại xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần TNG Land tại Văn bản số 360/CV-TNGL ngày 11/11/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 502/TTr-SNNMT ngày 14/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần TNG Land (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND xã La Bằng và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn, đôn đốc Chủ dự án thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã La Bằng;
- Công ty Cổ phần TNG Land;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/11/25_MC

Mh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội tại xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số: 1938 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư số 2 xã Tiên Hội.
- Địa điểm thực hiện: Xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên.
- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần TNG Land.

1.2. Quy mô, công suất

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết và chủ trương đầu tư đã được phê duyệt trên diện tích 192.875,2m² với quy mô dân số khoảng 2.600 người.

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án

- Hạng mục san nền: San nền tạo mặt bằng với tổng diện tích 81.807,28m²; độ dốc san nền thiết kế theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo kết nối đồng bộ với khu vực xung quanh và dân cư hiện trạng.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật và cây xanh: Hào kỹ thuật với 02 với tổng chiều dài 4.870m; hệ thống giao thông có 02 loại đường với 02 loại mặt cắt ngang có lộ giới 15m và 30m với tổng chiều dài các tuyến đường của dự án khoảng 3.985,59m; hệ thống cấp nước gồm tuyến ống phân phối D110 với tổng chiều dài 521m, tuyến ống dịch vụ D63 với tổng chiều dài 5.256m và ống lồng thép qua đường D150, D100 với tổng chiều dài khoảng 258m; bố trí 03 trụ cứu hỏa trên mạng lưới; 03 trạm biến áp (02 trạm 400KVA và 01 trạm 560KVA), đường dây cấp trung thế 35kV đi cáp ngầm với tổng chiều dài khoảng 1.138m, hệ thống đường dây chiếu sáng và đường dây hạ thế 0,4kV với tổng chiều dài khoảng 28.346m; hệ thống cây xanh với diện tích 48.801 m².

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án bằng cống BTCT D600, D800, D1250, D1800 có tổng chiều dài 3.958m, bố trí 165 hố ga các loại. Toàn bộ nước mưa từ dự án được đầu nối vào sông Công và suối Mang qua 03 cửa xả (gồm cửa xả CX4 là cống D1800 và CX5 là cống D1250 thoát nước vào sông Công, cửa xả CX6 là cống D1250 thoát nước vào suối Mang).

+ Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa bằng ống HDPE D300, D400 với tổng chiều dài 4.568m, ống thép lồng D500 dài 434m, đường ống HDPE D150 dài 145m (thu gom nước thải cho Khu dân cư hiện trạng giáp ranh), bố trí 195 hố ga; xây dựng 01 trạm xử lý nước thải (XLNT) công suất 300m³/ngày.đêm (trong đó bể thiếu khí, hiếu khí và bể lắng của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên hoạt động độc lập); trạm XLNT được xây dựng trên lô đất hạ tầng kỹ thuật (HT-01) có diện tích 813,7m², có lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi và bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu 10m theo QCVN 01:2021/BXD và QCVN 01:2025/BTNMT. Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn (QCVN 14:2025/BTNMT bảng 1, F<2000, cột A) được thu theo đường ống HDPE D300 chiều dài khoảng 84m xả ra sông Công thông qua 01 cửa xả có tọa độ X = 2394379.32, Y = 410081.13 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰).

+ Bố trí 03 xe đẩy dung tích khoảng 1 m³/xe và nhân viên vệ sinh để thực hiện thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong Dự án về vị trí tập kết của địa phương.

Sau khi hoàn thành xây dựng các hạng mục nêu trên, Chủ dự án bàn giao các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, quỹ đất tái định cư cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 159.022,6m²; thu hồi đất của khoảng 139 hộ dân, trong đó phá dỡ 50 nhà ở, 600m² sân bê tông/lát gạch, 1000m tường rào xây gạch của 23 hộ dân; phá dỡ khoảng 600m kênh mương xây gạch; phá dỡ 100m đường bê tông dân sinh hiện trạng; hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV hiện trạng trong ranh giới dự án với chiều dài khoảng 610m, di chuyển 20 cột điện cao thế, di chuyển 03 trạm 400KVA, di chuyển 65 ngôi mộ. Kết quả tham vấn cộng đồng dân cư của dự án cho thấy, các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các hoạt động nêu trên đều đồng thuận với việc triển khai dự án và sẽ chấp hành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng của nhà nước.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

+ Hoạt động san nền trên diện tích 81.807,28m², hoạt động đào đắp trong thi công xây dựng phát sinh đất đào cấp III, đất bóc hữu cơ và bùn đất yếu.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu, chất thải phá dỡ công trình và đất bóc hữu cơ, bùn đất yếu ra ngoài phạm vi dự án; vận chuyển đất đào đắp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ dự án.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

- Hoạt động của dân cư trong phạm vi dự án; hoạt động thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt theo quy hoạch và xả nước thải sau xử lý ra môi trường và hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải trong phạm vi dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý tại trạm XLNT đáp ứng quy chuẩn xả được thu theo đường ống HDPE D300 chiều dài khoảng 84m xả ra sông Công thông qua 01 cửa xả có tọa độ $X = 2394379.32$, $Y = 410081.13$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiều 3^0). Căn cứ mục 1 phần IX của Quyết định số 222/QĐ-TTg và mục 65 Phụ lục I của Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 quy định, nguồn nước mặt sông Công là nguồn cấp nước dùng cho mục đích cấp sinh hoạt; ngoài ra, trong tổng diện tích đất thực hiện dự án là 19,28ha có 10,158ha là đất trồng lúa 02 vụ cần chuyển đổi mục đích sử dụng. Như vậy, dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt sông Công được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt và dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác, đất ở của khoảng 139 hộ dân, trong đó phá dỡ công trình nhà ở và các công trình phụ trợ của 23 hộ dân; phá dỡ khoảng 600 m kênh mương xây gạch; phá dỡ 100m đường bê tông dân sinh hiện trạng; hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV hiện trạng trong ranh giới dự án với chiều dài khoảng 610m, di chuyển 20 cột điện cao thế, di chuyển 03 trạm 400KVA, di chuyển 65 ngôi mộ.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, cụ thể gồm:

+ Phát sinh đất bóc hữu cơ và bùn đất yếu phải đào bỏ, phát sinh đất đào cấp III, phát sinh vật liệu phá dỡ đường giao thông dân sinh, phát sinh thực vật phát quang...

+ Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển; phát sinh chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn... tác động đến môi trường và dân cư xung quanh.

+ Nguy cơ ngập úng cục, bộ tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án do hoạt động san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu thi công làm trượt sụt đất, vật liệu thi công xuống các mương thoát nước hiện trạng khu vực.

+ Gia tăng ùn tắc giao thông, xuống cấp các tuyến đường giao thông, ảnh hưởng đến đi lại của người dân khu vực dự án do hoạt động vận chuyển, phá dỡ đường bê tông dân sinh và hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án trên đường Nam Sông Công kéo dài.

- Khi Khu dân cư số 2 đi vào hoạt động có phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có khả năng tác động xấu đến môi trường đất, nước và không khí khu vực nếu không được thu gom, xử lý theo quy định.

3. Các tác động môi trường môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng $4\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

+ Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày}$, có thành phần chủ yếu gồm bùn đất, chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng $260\text{m}^3/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu gồm hợp chất hữu cơ (BOD_5), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp nền, hoạt động xây dựng công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải bỏ...; thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 .

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Hơi khí thải phát sinh chủ yếu hoạt động của trạm XLNT; mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là lúa, hoa màu, cây ăn quả và cây lâu năm trong phạm vi dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng $20\text{kg}/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp...

- Đất bóc hữu cơ, đất bùn yếu khoảng $51.332,38\text{m}^3$; đất cấp III khoảng $35.523,78\text{m}^3$.

- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng như gạch, vữa, đầu mẩu gỗ; chất thải, vật liệu phá dỡ công trình (nhà dân, đường bê tông dân sinh...) chủ yếu là bê tông, gạch vỡ... khoảng 415 tấn.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn hỏng với khối lượng phát sinh khoảng 605kg/toàn bộ quá trình xây dựng.

3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng 2.068kg/ngày; thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ hằng ngày, giấy vụn, túi nilon, bao bì nhựa thải...

- Chất thải rắn sinh hoạt công kênh phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư, không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

- Bùn thải từ hệ thống XLNT phát sinh khoảng 66kg/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu dân cư chủ yếu gồm: Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư (chủ yếu gồm: Bóng đèn led thải, pin thải từ các loại thiết bị điện tử...) và chất thải nguy hại từ hoạt động vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật của khu dân cư (chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng hóa chất thải...) với tổng khối lượng 926 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất, nguyên vật liệu, chất thải bỏ phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Tiếng ồn từ trạm xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở, hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác nông nghiệp, thu hồi nhà ở.

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.

- + Nguy cơ ngập úng cục bộ, tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án khi mưa lớn kéo dài do san lấp mặt bằng hoặc do trượt sạt đất, vật liệu thi công xuống hệ thống thoát nước hiện trạng.

- Nguy cơ xuống cấp, ùn tắc các tuyến đường giao thông do hoạt động vận chuyển vật liệu phá dỡ, nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

- + Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng gây bồi lấp các dòng chảy tự nhiên hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh dự án.

- Các rủi ro, sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ gây mất an toàn khác.

3.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.
- Sự cố trạm XLNT; sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT; sự cố cháy nổ, sự cố môi trường khác...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động tại khu vực công trường để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí 03 vị trí rửa bánh xe và 03 hố lắng nước rửa bánh xe $02\text{m}^3/\text{hố}$ để lắng nước thải từ quá trình rửa bánh xe; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; phần bùn tại hố lắng được nạo vét và tận dụng đổ vào lô đất cây xanh tại Dự án.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ với quá trình thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án; bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu 10m theo QCVN 01:2021/BXD và QCVN 01:2025/BTNMT; xây dựng quy trình vận hành trạm XLNT và bàn giao trạm XLNT công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ kèm theo quy trình vận hành cho đơn vị chức năng quản lý, duy trì vận hành trạm XLNT.

- Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý, vận hành trạm XLNT tập trung đến khi hoàn thành các thủ tục bàn giao hạ tầng khu dân cư cho địa phương quản lý; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, lập sổ nhật ký vận hành trạm XLNT theo quy định. Khi bàn giao hạ tầng khu dân cư cho địa phương quản lý, sẽ bàn giao đồng thời quy trình vận hành trạm XLNT để đơn vị được giao quản lý tiếp tục vận hành trạm XLNT.

- Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tổ chức vận hành mạng lưới thu gom và trạm XLNT đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường, kiểm soát thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải của trạm XLNT công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ như sau:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa (có hệ thống phân phối khí) → Bể thiếu khí, gồm 02 bể (có bổ sung dinh dưỡng) → Bể hiếu khí, gồm 02 bể (có hệ thống phân phối khí) → Bể lắng sinh học, gồm 02 bể → Bể trung gian → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng bằng Javel → Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn (QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) được thoát theo đường ống HDPE D300 chiều dài khoảng 84 m xả ra sông Công thông qua 01 cửa xả có tọa độ X = 2394379.32, Y = 410081.13 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3°). Bố trí 01 bể chứa bùn 35,36m³, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn từ trạm XLNT theo quy định.

Máy móc, thiết bị trạm XLNT 300m³/ngày.đêm được bố trí hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành thường xuyên liên tục trạm XLNT gồm:

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật các bể	Máy móc, thiết bị trong các bể
1	Bể thu gom	Thể tích xây dựng 31,25 m ³ ; kích thước: (2,5 x 2,5 x 5) m	02 máy bơm chìm nước thải 30m ³ /giờ/máy (công suất 2,2kW)
2	Bể lắng cát, tách dầu mỡ	Thể tích xây dựng 13,2 m ³ ; kích thước: (5,5 x 1,2 x 2) m	02 máy bơm hút cát 26m ³ /giờ (công suất 0,75kW)
3	Bể điều hòa	Thể tích xây dựng 170,06 m ³ , kích thước (7,1 x 5,5 x 4) + (1,4 x 5,5 x 1,8) m;	02 máy bơm chìm nước thải 27m ³ /giờ/máy (công suất 0,75kW), 01 hệ thống phân phối khí.
4	Bể thiếu khí (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 51,46m ³ ; kích thước (4,15 x 3,1 x 4) m/bể	04 máy khuấy chìm, lưu lượng 2,8m ³ /phút/máy (công suất 0,4kW)
5	Bể hiếu khí (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 99,6m ³ ; kích thước: (4,15 x 6 x 4) m/bể	04 máy bơm chìm nước thải 26m ³ /giờ/máy (công suất 0,75kW), 02 hệ thống phân phối khí.
6	Bể lắng sinh học (02 bể)	Thể tích xây dựng 40,96 m ³ ; kích thước: (3,2 x 3,2 x 4) m/bể	04 bơm bùn 20m ³ /giờ/máy (công suất 0,75kW).
7	Bể trung gian	Thể tích xây dựng 30,24 m ³ ; kích thước: (4,2 x 1,8 x 4) m	-
8	Bồn lọc áp lực (02 bồn)	Đường kính 1m, chiều cao 2,4 m	03 bơm cấp lọc, rửa lọc 6-16,9m ³ /giờ/máy (công suất 1,5kW)
9	Bể khử trùng	Thể tích xây dựng 15,84 m ³ ; kích thước: (2,2 x 1,8 x 4) m	-
10	Bể chứa bùn	Thể tích xây dựng 35,36 m ³ ; kích thước: (5,2 x 1,7 x 4) m	-

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật các bể	Máy móc, thiết bị trong các bể
11	Nhà điều hành	Diện tích 30m ² ; kích thước: (5 x 6) m	- 01 máy thổi khí lưu lượng 4,13m³/phút (công suất 5,5kW), 02 máy thổi khí lưu lượng 5,83m³/phút (công suất 7,5kW). - 03 bồn chứa hóa chất thể tích mỗi bồn 500 lít. - 06 bơm định lượng lưu lượng 155 lít/giờ (công suất 0,37kW). - Hệ thống điện điều khiển.

- Hóa chất sử dụng/ngày gồm: Khoảng 0,9kg Javel 10% (khử trùng); khoảng 6kg dinh dưỡng (gỉ mật) tại bể thiếu khí; 12 kg Na₂CO₃ tại bể thiếu khí.

Hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT:

- Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT: Lắp đặt các ống thu khí D110 tại bể thu gom, bể lắng cát tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng sinh học → Quạt hút → 01 tháp hấp phụ bằng dung dịch NaOH (nồng độ từ 1 - 5%) (D1200xH2.400) → Ống thoát khí cao khoảng 3m (tính từ mặt đất).

- Máy móc thiết bị: 01 quạt hút khí lưu lượng 2.000 - 3.500m³/giờ (công suất 1,5kW).

- Dung dịch NaOH sử dụng khoảng 3 - 4kg/tháng. Dung dịch NaOH (nồng độ 1 - 5%) được bơm từ trên đỉnh tháp xuống gặp dòng khí chứa chất ô nhiễm đi từ dưới lên; NAOH phản ứng với các khí trên, giữ lại các chất độc hại và phần khí sạch được thải ra ngoài môi trường. Dung dịch NaOH sau khi hấp thụ được tuần hoàn tái sử dụng và khi nồng độ không đảm bảo thì được xả quay ngược hệ thống để xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động. Giám sát hiệu quả xử lý của trạm XLNT công suất 300m³/ngày.đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) trước khi xả ra môi trường.

+ Bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

+ Bố trí các thiết bị trong trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục; bố trí bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên để đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của trạm XLNT; duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm XLNT luôn vận hành bình thường; thực hiện ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

+ Lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí che chắn xung quanh khu vực thi công để giảm thiểu phát tán bụi.

+ Sử dụng xe vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyển; che chắn thùng xe chở vật liệu khi tham gia giao thông; đơn vị thi công sẽ thường xuyên thu dọn vật liệu rơi vãi và bố trí xe phun nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển tại khu vực dự án và trên công trường thi công.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Đơn vị quản lý, vận hành duy trì vận hành hệ thống thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT; duy trì biện pháp vệ sinh giảm thiểu phát tán bụi trên các tuyến đường nội bộ; chăm sóc hệ thống cây xanh; hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng ngày (01 lần/ngày).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Thực vật phát quang chủ yếu là hoa màu, cây ăn quả, cây lâu năm để người dân thu hoạch trước khi bàn giao mặt bằng cho dự án.

+ Thuê đơn vị chức năng thu gom vật liệu phá dỡ các công trình xây dựng hiện trạng, chất thải rắn xây dựng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bố trí thùng chứa rác thải sinh hoạt trên công trường tại khu vực lán trại công nhân; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, sau đó tập kết vào khu vực có mái che tại khu vực lán trại công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng đủ điều kiện vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Chủ dự án trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy tại dọc các tuyến đường nội bộ của khu dân cư để hộ dân tự phân loại chất thải phát sinh; bố trí 03 xe đẩy tập kết rác ra phía đường Nam Sông Công để đơn vị vận chuyển của địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Hộ gia đình, cá nhân tự thu gom, phân loại, chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt công kênh.

+ Đơn vị được giao tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt thông thường tại các tuyến đường nội bộ của khu dân cư; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh của các hộ dân có nhu cầu theo đúng quy định về điểm tập kết rác thải của dự án. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm: Vận hành hệ thống XLNT đúng quy trình vận hành; hợp đồng với đơn vị đủ chức năng định kỳ thu gom vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT để xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: đơn vị quản lý vận hành sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy, không lưu giữ tại khu vực dự án để tránh ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe người dân trong khu dân cư.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lập kế hoạch thi công, vận chuyển phù hợp (sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công tiên tiến, phù hợp; hạn chế sử dụng các thiết bị có tiếng ồn và độ rung lớn vào ban đêm và hạn chế vận chuyển trong các giờ cao điểm) nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến đời sống của nhân dân xung quanh khu vực, dọc tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của trạm XLNT đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

+ Bố trí trạm XLNT ở khu dân cư và bố trí dải cây xanh cách ly để giảm thiểu tiếng ồn gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Chủ đầu tư tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với đơn vị chức năng lập, thực hiện phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các công trình xây dựng, tài sản và cây cối trên đất theo quy định pháp luật; bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi nhà ở theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ 35.523,78m³ đất đào đất cấp III để san nền tại dự án, không vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án; tận dụng khoảng 51.332,38m³ đất bóc hữu cơ, đất bùn yếu phải đào bỏ vào diện tích đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly của dự án để trồng cây.

+ Trồng đầy đủ cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly đúng tỷ lệ theo quy hoạch, đảm bảo tuân thủ quy định, quy chuẩn hiện hành.

- Đối với vấn đề tiêu thoát nước và đảm bảo nước tưới:

+ Đào rãnh thoát nước tạm thời và duy trì việc nạo vét, khơi thông dòng chảy rãnh thoát nước tạm để định hướng dòng chảy trong quá trình thi công. Thực hiện ngay các biện pháp tiêu thoát nước khắc phục ngập úng và bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có) trong trường hợp xảy ra tình trạng ngập úng khu vực xung quanh do hoạt động thi công của dự án gây ra.

+ Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực, nhất là suối Long, suối Mang và sông Công.

+ Bố trí 03 cửa xả gồm cửa xả CX4 là cống D1800 và CX5 là cống D1250 thoát nước vào sông Công, cửa xả CX6 là cống D1250 thoát nước vào suối Mang nhằm đảm bảo tiêu thoát nước khu vực dự án, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực.

+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

- Đối với vấn đề giao thông: Phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công của dự án; yêu cầu các nhà thầu thi công thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Đối với rủi ro, sự cố: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và quy trình kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị. Phối hợp với chính quyền địa phương nắm bắt ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục ngay những tác động tiêu cực từ các hoạt động của dự án làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân khu vực.

4.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Bố trí các thiết bị trong trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục và bố trí bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên để đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của trạm XLNT.

- Đơn vị được giao quản lý khu dân cư, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm:

(1) Đối với sự cố non tải: Bố trí của trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục và bố trí bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên hoạt động độc lập, liên tục để phục vụ cho việc vận hành khi lưu lượng đầu vào linh hoạt (trường hợp lưu lượng nước thải $\leq 50\%$ công suất chạy 01 đơn nguyên, lưu lượng nước thải $>50\%$ công suất chạy toàn bộ các công trình của trạm).

(2) Đối với sự cố quá tải: Thiết kế trạm XLNT đã tính toán đến hệ số an toàn $k = 1,15$; bể điều hòa có thể tích hiệu dụng khoảng $170m^3$ lưu chứa tối đa (13,6 giờ) và thực hiện duy trì vận hành toàn bộ các công trình của trạm XLNT.

(3) Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Kịp thời sửa chữa, thay thế các đoạn đường ống bị tắc, bị rò rỉ đảm bảo trạm XLNT hoạt động liên tục.

(4) Đối với sự cố nước thải không đạt yêu cầu: Bể gom của trạm XLNT được thiết kế thể tích $30m^3$, bể lắng cát thể tích $13m^3$, bể điều hoà thể tích xây dựng là $170m^3$. Tổng thể tích hiệu dụng của các bể này khoảng $200m^3$, đảm bảo khả năng chứa nước thải trong trường hợp trạm XLNT gặp sự cố (16 giờ); nước thải được bơm ngược trở lại để tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Duy trì kiểm tra các họng nước phòng cháy, chữa cháy đảm bảo hoạt động ổn định.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát, phát hiện sớm các nguy cơ trượt sụt đất để kịp thời khắc phục nhằm hạn chế các nguy cơ gây trượt sụt hạn chế ảnh hưởng đến các công trình của dự án, các công trình xung quanh và khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Trong quá trình thi công xây dựng

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các nhà thầu thi công trong việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường đã cam kết; yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt trong quá trình thực hiện và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; yêu cầu dừng thi công khi để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để kịp thời khắc phục.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải, khí thải theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, các quy hoạch có liên quan; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng các công trình của dự án.
- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định; tuân thủ quy định Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.
- Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực, nhất là suối Long, suối Mang và sông Công.
- Thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế và hoàn thành trạm XLNT trước khi dân cư vào sinh sống, nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra theo quy định; bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

- Bố trí 03 cửa xả gồm cửa xả CX4 là cống D1800 và CX5 là cống D1250 thoát nước vào sông Công, cửa xả CX6 là cống D1250 thoát nước vào suối Mang nhằm đảm bảo tiêu thoát nước khu vực dự án, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực; theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và khắc phục ngay các sự cố sụt lún, nghiêng, nứt công trình xung quanh và bồi thường, hỗ trợ các công trình bị ảnh hưởng theo quy định; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực đối với các tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư.

- Thực hiện đúng và đầy đủ quy định về việc khai thác, tận thu khối lượng đất đào trong phạm vi dự án theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản.

- Báo cáo, phối hợp với đơn vị quản lý tuyến đường dây điện 35kV chạy qua khu vực dự án để được xem xét chấp thuận trước khi di chuyển, hạ ngầm, hoàn trả.

- Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định và trước khi bàn giao khu dân cư cho địa phương quản lý.

- Đảm bảo duy trì việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; xây dựng quy trình vận hành trạm XLNT cho khu dân cư, khi bàn giao khu dân cư cho đơn vị có chức năng của địa phương quản lý, phải bàn giao kèm theo hướng dẫn quy trình vận hành trạm XLNT để tiếp tục duy trì thực hiện.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.